

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ L
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2017/HNST-ST

Ngày 01 tháng 11 năm 2017

V/v “TrA chấp Ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ L, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Phạm Thành Ngôn

2/ Ông Phan Bảo Duy

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Thu – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố L, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố L, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 11 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố L, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 376/2017/TLST-HNGĐ, ngày 13 tháng 7 năm 2017 về việc “TrA chấp Ly hôn” theo Quyết định Hoãn phiên tòa số: 79/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 13 tháng 10 năm 2017 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Ngô Thị T, sinh năm 1979.

+ Địa chỉ: Khóm 7, phường H, Thành phố L, tỉnh An Giang. Có mặt.

- **Bi đơn:** Ông Lê Văn L, sinh năm 1979.

+ Địa chỉ: Khóm 7, phường H, Thành phố L, tỉnh An Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai cùng các lời khai trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà Ngô Thị T trình bày:*

- **Về quan hệ hôn nhân:** Bà và ông Lê Văn L tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, Thành phố L vào ngày 02/11/2009. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, ông L đi làm ăn xa, ít khi về nhà, không quan tâm đến gia đình, vợ con. Dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, tình cảm dành cho nhau không còn, hôn nhân không hạnh phúc, nên bà yêu cầu được ly hôn ông Lê Văn L.

- **Về con chung:** Ông bà có một con chung tên Lê Phương A, sinh ngày 28/01/2009 hiện đang sinh sống với bà. Bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Vì bà có việc làm có thu nhập để lo cho con.

- **Về tài sản chung:** Không có.

- **Về nợ chung:** Không có.

*** Tại Biên bản Tòa án ghi lời khai của ông Lê Văn L ngày 13/7/2017, ông L trình bày:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Ông và bà T tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, Thành phố L vào ngày 02/11/2009, đúng như bà T trình bày. Hôn nhân lần thứ nhất của ông bà. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm sống. Qua yêu cầu ly hôn của bà T thì ông đồng ý.

- **Về con chung:** Ông và bà T có một con chung tên Lê Phương A, sinh ngày 28/01/2009, hiện do bà T chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung:** Không có.

- **Về nợ chung:** Không có.

*** Quá trình giải quyết vụ án, ông Lê Văn L mặc dù đã được tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng ông L vẫn vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên tòa, ông L tiếp tục vắng mặt không có lý do.**

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố L phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của đương sự như sau:**

Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS. Các văn bản tố tụng được tổng đạt, niêm yết đầy đủ cho các đương sự theo quy định tại các Điều 170, 171, 177 BLTTDS.

Hội đồng xét xử tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS về xét xử vụ án. Thư ký thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn đúng quy định tại Điều 51 BLTTDS.

Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên tòa là chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Ngô Thị T đối với ông Lê Văn L.

- Về con chung: Đề nghị giao cháu Lê Phương A, sinh ngày 28/01/2009 cho bà T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà T không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông L trình bày không có, nên không xem xét.

3
NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng ông L vẫn vắng mặt không có lý do, bà T không yêu cầu hoãn phiên tòa. Căn cứ điểm b, khoản 2, Điều 227 và khoản 3, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông Lê Văn L.

[2] Về nội dung: Bà Ngô Thị T và ông Lê Văn L tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H, Thành phố L vào ngày 02/11/2009 nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình. Nguyên nhân yêu cầu ly hôn theo bà T trình bày thời gian sống chung vợ chồng thường phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân bất đồng quan điểm sống, ông L đi làm ăn xa, ít khi về nhà, không quan tâm đến gia đình vợ con. Bà nhiều lần động viên, khuyên nhủ nhưng ông L vẫn không sửa đổi. Do mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, nên bà T yêu cầu được ly hôn ông L.

[3] Theo Biên bản xác minh của Tòa án tại Ủy ban nhân dân phường H ngày 28/8/2017 thể hiện: Quá trình chung sống, ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, cự cãi do bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không hạnh phúc. Hiện tại con chung do bà T chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông L do bận công việc làm ăn nên không thường xuyên quan tâm đến con.

[4] Qua lời trình bày của các đương sự và xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận thấy, quá trình giải quyết ông L vắng mặt không cung cấp, giao nộp chứng cứ theo thông báo của Tòa án. Theo ý kiến ông L trình bày tại Tòa án thì ông đồng ý ly hôn với bà T, tại phiên tòa, ông L vắng mặt không có lý do là không có thiện chí hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Hội đồng xét xử động viên bà T vì con tạo cơ hội vợ chồng đoàn tụ, nhưng bà T vẫn kiên quyết ly hôn. Điều đó chứng tỏ tình trạng hôn nhân của ông bà đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nếu duy trì cuộc hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc thật sự cho cả hai. Do đó, căn cứ khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị T được ly hôn ông Lê Văn L, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

[5] Ông bà có một con chung, tên Lê Phương A, sinh ngày 28/01/2009. Ông L và bà T đều có yêu cầu được nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu Phương A có nguyện vọng được sống với bà T, bà T cũng yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Theo Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Mỹ Hòa thể hiện con chung do bà T nuôi dưỡng. Ông L do bận công việc làm ăn nên không thường xuyên quan tâm đến con. Mặt khác, thời gian qua con chung do bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và có cuộc sống ổn định, phát triển tốt về mọi mặt. Nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của bà T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung sau khi ly hôn.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, đây là quyền lợi của con chưa thành niên. Tuy nhiên, bà T là người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn không yêu cầu ông L cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà T phải tạo điều kiện cho ông L được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T và ông L trình bày không có.

[7] Về án phí: Bà Ngô Thị T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

*** Căn cứ vào**

- Khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; điểm b, khoản 2, Điều 227; khoản 3, Điều 228; khoản 1, Điều 273; khoản 1, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Khoản 1, Điều 51; khoản 1, Điều 56; khoản 2, Điều 81 và Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Điều 6; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu của bà Ngô Thị T được ly hôn ông Lê Văn L.

- **Về con chung:** Ông bà có một con chung tên Lê Phương A, sinh ngày 28/01/2009.

Bà T được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Ông L không phải cấp dưỡng nuôi con, do bà T không yêu cầu.

Bà T phải tạo điều kiện cho ông L được thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Việc nuôi con không cố định.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Ông bà trình bày không có.

* **Về án phí:** Bà Ngô Thị T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0017893, ngày 13/7/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố L. Bà T đã nộp đủ tiền án phí.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi gửi:

- Tòa án ND tỉnh An Giang;
- VKS ND TPL;
- Thi hành án DS TPL;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng./.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

Nguyễn Thị Hoa

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hoa

